

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 2 - KHÁNH HÒA**

Bản án số: 69/2026/HNGĐ-ST

Ngày: 06/5/2026

V/v tranh chấp ly hôn

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 - KHÁNH HÒA**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Dương Thị Vân.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Phan Thị Hồng

2. Bà Nguyễn Thị Minh

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Tú - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 2 - Khánh Hòa.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 2 - Khánh Hòa tham gia phiên tòa: Ông Lê Quang Khải - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 5 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 2 - Khánh Hòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 01/2026/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 01 năm 2026 về việc “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 64/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 25 tháng 3 năm 2026; Quyết định hoãn phiên tòa số: 57/2026/QĐST - HNGĐ ngày 16 tháng 4 năm 2026 giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn:* Bà **Trương Thị Kim T**, sinh năm 1966; Nơi cư trú: **tổ dân phố H, phường B, tỉnh Khánh Hòa** (vắng mặt, có yêu cầu giải quyết vắng mặt).

* *Bị đơn:* Ông **Trần Văn H**, sinh năm 1963; Nơi cư trú: **tổ dân phố H, phường B, tỉnh Khánh Hòa** (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* *Nguyên đơn bà **Trương Thị Kim T** trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông **Trần Văn H** tự nguyện chung sống với nhau từ năm 1983, có tổ chức cưới hỏi, không đăng ký kết hôn.

Quá trình chung sống vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn nhưng cả hai đều cố gắng hòa giải để tiếp tục chung sống với nhau. Khoảng hai năm trở lại đây mâu thuẫn vợ chồng căng thẳng, ông **H** thường xuyên gây sự đánh đập bà, đập phá đồ đạc trong gia đình, bà luôn trong tình trạng lo sợ. Bà nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, không thể tiếp tục chung sống nên yêu cầu Tòa án cho bà được ly hôn ông **Trần Văn H**.

Về con chung: Bà và ông **Trần Văn H** có 04 con chung là **Trần Quang T1**, sinh năm 1986; **Trần Quang T2**, sinh năm 1989; **Trần Thị Kim T3**, sinh năm 1992;

Trần Quang T4, sinh năm: 1994. Các con chung đều đã thành niên, khỏe mạnh bình thường, có cuộc sống ổn định nên bà không yêu cầu Tòa án giải quyết

Về tài sản chung, nợ chung: Bà và ông **H** tự thỏa thuận, bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* *Bị đơn ông **Trần Văn H** trình bày:*

Ông tự nguyện sống chung như vợ như chồng với bà **Trương Thị Kim T** từ năm 1983. Quá trình sống chung ban đầu hạnh phúc nhưng sau đó phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do nóng nảy không kìm chế được vì áp lực nợ nần. Ông không đồng ý ly hôn với bà **T**.

Về con chung: có 04 con chung là **Trần Quang T1**, sinh năm 1985; **Trần Quang T2**, sinh năm 1989; **Trần Thị Kim T3**, sinh năm 1992; **Trần Quang T4**, sinh năm 1994 đều đã thành niên nên không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: ông và bà **T** sẽ tự giải quyết.

* *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 - Khánh Hòa phát biểu quan điểm:*

Về tố tụng: Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng, đầy đủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án. Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng, đầy đủ các nhiệm vụ, quyền hạn quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Nguyên đơn thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật tại Điều 70, 71 Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của đương sự theo quy định tại Điều 70 và Điều 72 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, bà **Trương Thị Kim T** được ly hôn với ông **Trần Văn H**. Về con chung: Các con đều đã thành niên, đương sự không yêu cầu giải quyết nên không xem xét. Về tài sản chung, nợ chung: Đương sự không yêu cầu nên không xem xét. Về án phí: Nguyên đơn phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về việc vắng mặt của các đương sự: Nguyên đơn vắng mặt nhưng có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt, bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không rõ lý do. Căn cứ theo các Điều 227, 228 và 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn.

[2] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Về quan hệ hôn nhân: Bà **Trương Thị Kim T** và ông **Trần Văn H** tự nguyện chung sống từ năm 1983 nhưng không đăng ký kết hôn. Theo quy định tại điểm a khoản 3 Nghị quyết số 35/2000/NQ-QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội và Điều 1 Thông tư liên tịch số 01/2001/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 03/01/2001

hướng dẫn thi hành Nghị quyết số 35 của Quốc hội quy định trong trường hợp này bà **T** và ông **H** đã xác lập quan hệ vợ chồng trước ngày 03/01/1987 (ngày Luật hôn nhân và gia đình năm 1986 có hiệu lực) mà chưa đăng ký kết hôn nếu có yêu cầu ly hôn thì Tòa án thụ lý vụ án và áp dụng quy định về ly hôn của Luật hôn nhân và gia đình năm 2000 để giải quyết vụ án ly hôn theo thủ tục chung. Do đó, bà **T** và ông **H** thuộc diện được pháp luật công nhận là quan hệ hôn nhân thực tế.

Quá trình chung sống bà **T** trình bày do ông **H** thường xuyên gây sự đánh đập bà và đập phá đồ đạc trong gia đình, bà luôn trong tình trạng lo sợ. Mâu thuẫn vợ chồng càng thẳng nên bà yêu cầu ly hôn ông **Trần Văn H**. Ông **H** không đồng ý ly hôn nhưng không đưa ra biện pháp hàn gắn tình cảm vợ chồng.

Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà **Trương Thị Kim T** được ly hôn với ông **Trần Văn H**.

Về con chung: Bà **T** và ông **H** có 04 con chung là **Trần Quang T1**, sinh năm 1986; **Trần Quang T2**, sinh năm 1989; **Trần Thị Kim T3**, sinh năm 1992; **Trần Quang T4**, sinh năm: 1994. Hiện nay các cháu đã đủ tuổi trưởng thành, có cuộc sống tự lập và không bị nhược điểm về thể chất hoặc tinh thần, bà **T**, ông **H** không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà **Trương Thị Kim T** và ông **Trần Văn H** không yêu cầu nên không xét.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn, sinh ngày 30/12/1966 có đơn xin miễn án phí tuy nhiên chưa đủ 60 tuổi, không phải là người cao tuổi nên phải chịu án phí 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về “ly hôn”.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

- Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 147, Điều 266 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

- Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Điểm a khoản 3 Nghị quyết số 35/2000/NQ-QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội;

- Điều 1 Thông tư liên tịch số 01/2001/TTLT-TANDTC VKSNDTC-BTP ngày 03/01/2001;

- Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Bà **Trương Thị Kim T** được ly hôn ông **Trần Văn H**.

1.2. Về con chung: 04 con chung **Trần Quang T1**, sinh năm 1986; **Trần Quang T2**, sinh năm 1989; **Trần Thị Kim T3**, sinh năm 1992; **Trần Quang T4**, sinh năm: 1994 đã trưởng thành, có cuộc sống tự lập và không bị nhược điểm về thể chất hoặc tinh thần đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét.

1.3. Về tài sản chung, nghĩa vụ chung: Đương sự không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

2. Về án phí: Bà **Trương Thị Kim T** phải chịu 300.000 (*ba trăm nghìn*) đồng án phí dân sự sơ thẩm đối với tranh chấp về “ly hôn” nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số: 0005133 ngày 29/12/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Khánh Hòa.

3. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND khu vực 2 - Khánh Hòa;
- THADS tỉnh Khánh Hòa;
- UBND phường Bắc Cam Ranh;
- Lưu hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ
THẨM**

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Dương Thị Vân